TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NGẠN** TỈNH BẮC GIANG	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **12**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09/02/2018
V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Việt Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Lãnh Văn Việt.

2. Ông: Trần Đăng Thanh.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đức Nhường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đức Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 358/2017/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp "Hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn: Chị **Chu Thị N** - Sinh năm 1977.*

- Địa chỉ: Thôn L - xã G - huyện LN - tỉnh Bắc Giang.

** Bị đơn: Anh **Trần Văn D** - Sinh năm 1978.*

- Địa chỉ: Thủ D - xã N - huyện LN - tỉnh Bắc Giang.

Chị N có mặt, anh D vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/09/2017 và những lời khai của nguyên đơn chị Chu Thị N, lời khai của anh Trần Văn D và trong quá trình xét xử thì nội dung vụ án như sau:

Chị Chu Thị N và anh Trần Văn D kết hôn với nhau vào tháng 4 năm 2010. Trước khi kết hôn hai bên có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, được

hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo đúng phong tục địa phương. Chị N anh D có đến Ủy ban nhân dân xã Giáp Sơn, huyện Lục Ngạn đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới chị N anh D về chung sống cùng nhau ngay, ở tại thôn Thủ D- xã N - huyện LN - tỉnh Bắc Giang. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc, nhưng sau đó hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và thường xuyên cãi nhau không có sự chia sẻ quan tâm với nhau trong cuộc sống. Từ tháng 3 năm 2011 chị N về nhà bố mẹ đẻ ở thôn L, xã G, huyện LN sinh sống, chị N anh D sống ly thân với nhau từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân chị N anh D không ai quan tâm tới ai, không hề liên lạc với nhau. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng với anh D không còn chị N làm đơn xin ly hôn với anh D. Anh D cũng xác định tình cảm vợ chồng với chị N không còn, chị N xin ly hôn anh đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị N anh D chưa có con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị N, anh D xác nhận vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không liên quan vay nợ ai. Không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản công nợ.

Tại phiên Tòa chị N vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn D. Về con chung hai vợ chồng chưa có con chung, về tài sản công nợ chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh D vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng của Toà án trong quá trình thụ lý cũng như giải quyết vụ án và sự chấp hành pháp luật của các đương theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định về tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chu Thị N.

Cho chị Chu Thị N được ly hôn với anh Trần Văn D.

Con chung: Chị N anh D chưa có con chung.

Về tài sản, công nợ không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí chị chu Thị N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Chu Thị N khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết ly hôn, con chung với anh Trần Văn D. Đây là quan hệ tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Trần Văn D vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Văn D.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị N anh D tự nguyện tìm hiểu và kết kết hôn với nhau vào năm 2010 có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Chị N anh D đã sống ly thân với nhau một thời gian dài, không ai còn quan tâm tới ai. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N anh D mâu thuẫn là có thật, đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình làm việc cũng như tại phiên Tòa ngày hôm nay chị N kiên quyết ly hôn, không muốn quay về đoàn tụ với anh D. Anh D vắng mặt nhưng trong lời khai của mình anh cũng đồng ý ly hôn với chị N. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Chu Thị N đối với anh Trần Văn D. Cho chị N được ly hôn với anh D.

[3] Về con chung: Chị Chu Thị N anh Trần Văn D chưa có con chung. Nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Chu Thị N anh Trần Văn D không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, công nợ chung. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Chu Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

**** Vì các lẽ trên.***

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ các Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chu Thị N.

1.Cho chị Chu Thị N được ly hôn với anh Trần Văn D.

2. Về con chung: Chị Chu Thị N và anh Trần Văn D chưa có con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Chu Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị N đã nộp số tiền 300.000 đồng tiền dự phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn theo biên lai thu số: AA/2016/0003160 ngày 29/11/2017. Khoản tiền này chuyển thành án phí.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
- Toà án ND tỉnh Bắc Giang
- Viện kiểm ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Lục Ngạn;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Chi cục THA huyện Lục Ngạn.
- UBND xã G, huyện LN;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Việt Hùng